

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NINH BÌNH

CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT (BÀI THI ĐẠI TRÀ) MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

(Ban hành kèm theo Công văn số 1276/SGDDĐT-QLCL, ngày 20/8/2024 của Sở GDĐT Ninh Bình)

1. Thời gian làm bài: 60 phút.
2. Điểm toàn bài: 10,0 điểm.
3. Hình thức: Trắc nghiệm.
4. Phạm vi kiến thức: Trong phạm vi Chương trình giáo dục THCS 2018 do Bộ GDĐT ban hành tập trung chủ yếu ở lớp 9 THCS và hướng dẫn nội dung, chương trình ôn thi tuyển sinh lớp 10 THPT.

Gồm 50 câu trắc nghiệm khách quan, mỗi câu hỏi trắc nghiệm có 04 (bốn) phương án trả lời với duy nhất 01 (một) phương án trả lời đúng, trong đó:

		Mức độ				Tổng
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng (ở cấp độ cao)	
Số câu	Lịch sử	5	8	7	5	25
	Địa lí	5	7	8	5	25
Tổng		10	15	15	10	50
Tỉ lệ		20%	30%	30%	20%	100%

CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT

A. Phân môn Lịch sử

TT	Nội dung	Số câu	Điểm
1	LỊCH SỬ THẾ GIỚI	8	1,6
	- Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945). - Chiến tranh lạnh (1947 - 1989). - Nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991. - Châu Á từ năm 1945 đến nay: Nhật Bản, các nước Đông Nam Á. - Trật tự thế giới mới từ năm 1991 đến nay. - Cách mạng khoa học - kỹ thuật và xu thế toàn cầu hóa.		

2	LỊCH SỬ VIỆT NAM	17	3,4
	Lịch sử Việt Nam 1918 – 1930 (4 câu) - Phong trào dân tộc dân chủ (1918 - 1930). - Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc (1918 - 1930). - Sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.	4	0,8
	Lịch sử Việt Nam 1930 – 1945 (3 câu) - Phong trào cách mạng Việt Nam thời kì 1930 - 1939. - Cách mạng tháng Tám năm 1945.	3	0,6
	Lịch sử Việt Nam 1945 – 1954 (5 câu) - Việt Nam trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Việt Nam từ 1946 đến năm 1954: + Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược bùng nổ. + Những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận quân sự trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. + Hiệp định Giơ-ne-vơ. + Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.	5	1,0
	Lịch sử Việt Nam 1954 đến nay (5 câu) - Các thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975): Phong trào Đồng khởi; đánh bại các chiến lược: “Chiến tranh đặc biệt”, “Chiến tranh cục bộ”, “Việt Nam hóa chiến tranh”. - Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam (1973). - Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân 1975. - Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ. - Quá trình thống nhất đất nước về mặt nhà nước. - Công cuộc đổi mới đất nước từ năm 1986 đến năm 1991./.	5	1,0
Tổng	25	5,0	

B. Phân môn Địa lí

TT	Nội dung	Số câu	Điểm
1	ĐỊA LÍ DÂN CƯ VIỆT NAM	6	1,2
	- Dân số và dân tộc. - Phân bố dân cư, các loại hình quần cư. - Vấn đề lao động và việc làm. Chất lượng cuộc sống		
2	ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ VIỆT NAM	7	1,4
	- Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, - Ngành công nghiệp, - Ngành dịch vụ		
3	SỰ PHÂN HOÁ LÃNH THỔ	7	1,4
	- Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ - Vùng Đồng bằng sông Hồng - Vùng Bắc Trung Bộ - Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ - Vùng Tây Nguyên; - Vùng Đông Nam Bộ; - Vùng Đồng bằng sông Cửu Long. - Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển đảo Việt Nam.		
4	CÁC KĨ NĂNG ĐỊA LÍ	5	1,0
	- Nhận dạng biểu đồ. - Xử lí số liệu - Nhận xét bảng số liệu.		
Tổng		25	5

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH NINH BÌNH**

ĐỀ THI THAM KHẢO

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT

Năm học 2025 - 2026

Bài thi: Lịch sử và Địa lí

Thời gian làm bài: 60 phút (không kể thời gian phát đề)

(Đề thi gồm 50 câu, trong 07 trang)

Câu 1. Sự kiện nào đánh dấu Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc ở châu Âu?

- A. Đức kí văn kiện đầu hàng Đồng minh không điều kiện.
- B. Nhật Bản tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện.
- C. Mĩ ném bom nguyên tử xuống hai thành phố của Nhật Bản.
- D. Liên Xô đánh bại đạo quân chủ lực của Nhật Bản ở Đông Bắc Trung Quốc.

Câu 2. Chiến tranh lạnh (1947 - 1989) dẫn đến hậu quả gì?

- A. Một vài khu vực trên thế giới xảy ra xung đột quân sự.
- B. Mâu thuẫn sắc tộc, dân tộc và tôn giáo.
- C. Thế giới luôn trong tình trạng căng thẳng, đối đầu giữa hai phe đối lập.
- D. Một vài khu vực trên thế giới xảy ra nội chiến.

Câu 3. Tình hình nổi bật của kinh tế Mĩ từ năm 1945 đến năm 1950 là gì?

- A. Là một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính của thế giới.
- B. Lậm vào khủng hoảng, suy thoái kéo dài.
- C. Chiếm ưu thế tuyệt đối trong nền kinh tế thế giới.
- D. Không còn chiếm ưu thế tuyệt đối trong nền kinh tế thế giới.

Câu 4. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945), các nước Tây Âu có hành động gì đối với các thuộc địa thuộc địa cũ?

- A. Tìm cách khôi phục sự thống trị tại các thuộc địa cũ.
- B. Tìm cách biến các nước thành thuộc địa kiểu mới.
- C. Đa số ủng hộ vấn đề độc lập ở các thuộc địa.
- D. Ủng hộ việc thiết lập quyền tự trị ở các thuộc địa.

Câu 5. Tôn chỉ và mục đích của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) là

- A. khắc phục tình trạng nghèo nàn, lạc hậu của các nước trong khu vực Đông Nam Á.
- B. thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và phát triển văn hoá trong khu vực.
- C. bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của các nước trong khu vực.
- D. duy trì nền hòa bình và an ninh thế giới.

Câu 6. Yếu tố nào được coi là đòn bẩy để Nhật Bản phát triển kinh tế - xã hội?

- A. Con người.
- B. Văn hóa.
- C. Khoa học - công nghệ.
- D. Vốn đầu tư của nước ngoài.

Câu 7. Trật tự thế giới mới những năm cuối thế kỉ XX đang dần hình thành theo xu hướng

- A. đa phương.
- B. song phương.
- C. đơn cực.
- D. đa cực, nhiều trung tâm.

Câu 8. Nội dung nào sau đây là tác động tích cực của xu thế toàn cầu hóa?

- A. Phân hóa giàu nghèo giữa các nước trên thế giới và trong xã hội.
- B. Kém an toàn về kinh tế, tài chính, chính trị.
- C. Thúc đẩy sự phát triển và xã hội hóa lực lượng sản xuất.
- D. Tạo ra nguy cơ đánh mất bản sắc văn hoá dân tộc.

Câu 9. Ai là người lãnh đạo cuộc bãi công của công nhân Ba Son (Sài Gòn) vào tháng 8 - 1925?

- A. Nguyễn An Ninh.
- B. Tôn Đức Thắng.
- C. Phan Bội Châu.
- D. Phan Châu Trinh.

Câu 10. Tổ chức cách mạng nào theo khuynh hướng vô sản đầu tiên ở Việt Nam?

- A. Tâm tâm xã.
- B. Tân Việt Cách mạng đảng.
- C. Việt Nam Quốc dân đảng.
- D. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

Câu 11. Sự kiện nào đánh dấu Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam?

- A. Gửi bản yêu sách đến Hội nghị Véc-xai (6-1919).
- B. Tham gia sáng lập ra Đảng Cộng sản Pháp (12-1920).
- C. Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (6-1925).
- D. Đọc Sơ thảo Luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa (7-1920).

Câu 12. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đầu năm 1930 là sản phẩm của sự kết hợp giữa những yếu tố nào?

- A. Chủ nghĩa Mác-Lênin và phong trào công nhân.
- B. Chủ nghĩa Mác-Lênin và phong trào yêu nước.
- C. Chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa Lênin và phong trào công nhân.
- D. Chủ nghĩa Mác-Lênin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước.

Câu 13. Việt Nam chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933) vì

- A. Việt Nam là thị trường của tư bản.
- B. Việt Nam là một nước có nền kinh tế lạc hậu.
- C. Việt Nam là thuộc địa của Pháp.
- D. kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng của kinh tế Pháp.

Câu 14. Phong trào dân chủ 1936 - 1939 ở Việt Nam có điểm gì mới so với phong trào cách mạng 1930 - 1931

- A. Đảng Cộng sản Đông Dương đề ra chủ trương cụ thể cho hoàn cảnh mới.
- B. Diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ dưới nhiều hình thức đấu tranh.
- C. Là cuộc diễn tập chuẩn bị cho cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.
- D. Kết hợp hình thức đấu tranh công khai, hợp pháp với bí mật bất hợp pháp.

Câu 15. Nguyên nhân cơ bản quyết định sự thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là gì?

- A. Có hoàn cảnh quốc tế thuận lợi.
- B. Có khối liên minh công nông vững chắc.

C. Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống yêu nước, đấu tranh kiên cường bất khuất.

D. Sự lãnh đạo tài tình của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Câu 16. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, lực lượng Đồng minh kéo vào Việt Nam giải giáp quân đội phát xít Nhật là

A. Anh, Trung Hoa Dân quốc.

B. Anh, Pháp.

C. Liên Xô, Trung Hoa Dân Quốc.

D. Liên Xô, Anh.

Câu 17. Chiến thắng Biên giới thu - đông năm 1950 đã mở ra bước phát triển mới cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) của Việt Nam vì

A. ta giành được thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.

B. khai thông biên giới Việt - Trung.

C. phá vỡ thế bao vây của Pháp lên Căn cứ địa Việt Bắc.

D. đã giải phóng được một vùng đất đai rộng lớn, đông dân.

Câu 18. Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định phát động cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược (19 - 12- 1946) là do

A. Việt Nam đã tranh thủ sự ủng hộ của Liên Xô và một số nước khác.

B. Việt Nam không thể tiếp tục sử dụng biện pháp hòa bình với Pháp được nữa.

C. Pháp ráo riết chuẩn bị lực lượng để tiến hành xâm lược Việt Nam.

D. quá trình chuẩn bị lực lượng của Việt Nam cho cuộc kháng chiến đã hoàn tất.

Câu 19. Về ý nghĩa lịch sử, việc kí Hiệp định Sơ bộ (6 - 3 - 1946) và Tạm ước (14 - 9 - 1946) có điểm gì giống nhau?

A. Củng cố chính quyền cách mạng non trẻ.

B. Tránh được một cuộc chiến đấu bất lợi.

C. Bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền.

D. Có thêm thời gian để xây dựng, củng cố lực lượng.

Câu 20. Chiến dịch nào được xem là đỉnh cao của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)?

A. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947.

B. Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950.

C. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

D. Cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954.

Câu 21. Giai đoạn 1961 - 1965, Mĩ - Diệm thực hiện chiến lược

A. “Chiến tranh đơn phương”.

B. “Chiến tranh đặc biệt”.

C. “Chiến tranh cục bộ”.

D. “Việt Nam hóa chiến tranh”.

Câu 22. Chiến dịch nào mở màn trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975?

A. Chiến dịch Tây Nguyên.

B. Chiến dịch Huế

C. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng

D. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Câu 23. Trong đường lối đổi mới đất nước (từ tháng 12 - 1986), Đảng Cộng sản Việt Nam xác định trọng tâm là về lĩnh vực

A. kinh tế.

B. văn hoá.

C. xã hội.

D. chính trị.

Câu 24. Thắng lợi nào của quân dân Việt Nam buộc Mỹ phải kí Hiệp định Pa-ri (1973)?

- A. Chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972.
- B. Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954.
- C. Thắng lợi của Chiến dịch Đường 9 - Nam Lào năm 1971.
- D. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.

Câu 25. Điểm giống nhau cơ bản giữa chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 - 1965) và chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965 - 1968) của Mỹ ở miền Nam Việt Nam là gì?

- A. Sử dụng lực lượng quân đội Mỹ là chủ yếu.
- B. Nhằm biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới.
- C. Thực hiện cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định”.
- D. Sử dụng lực lượng quân đội Sài Gòn là chủ yếu.

Câu 26. Trung bình mỗi năm dân số nước ta tăng khoảng

- A. 1 nghìn người
- B. 1 triệu người
- C. 1,5 triệu người
- D. 2 triệu người

Câu 27. Tỷ lệ gia tăng tự nhiên có xu hướng giảm nhưng số dân vẫn tăng nhanh là do?

- A. quy mô dân số nước ta lớn.
- B. dân số nước ta có xu hướng giá hoá
- C. chất lượng cuộc sống chưa được nâng cao.
- D. thực hiện tốt chính sách dân số kế hoạch hoá gia đình.

Câu 28. Dân số đông và tăng nhanh là cơ hội để nước ta

- A. phát triển ngành nông nghiệp.
- B. cải thiện đời sống người dân.
- C. khai thác hiệu quả tài nguyên.
- D. mở rộng thị trường tiêu thụ.

Câu 29. Nhận định nào sau đây **không** đúng về đặc điểm phân bố dân cư nước ta?

- A. Tập trung đông đúc ở đồng bằng, ven biển.
- B. Phân bố khác nhau giữa các khu vực
- C. Dân cư nước ta phần lớn sinh sống ở thành thị.
- D. Dân cư nước ta chủ yếu sinh sống ở nông thôn.

Câu 30. Trong các biện pháp dưới đây, biện pháp nào là cấp bách để nâng cao lượng nguồn lao động của nước ta hiện nay?

- A. Tăng cường xuất khẩu lao động để học hỏi kinh nghiệm.
- B. Đổi mới mạnh mẽ phương thức đào tạo người lao động.
- C. Nâng cao thể trạng người lao động, phân bố lại lao động.
- D. Bố trí nguồn lao động cho hợp lí và đào tạo nghề nghiệp.

Câu 31. Biện pháp hiệu quả nhất hiện nay để tăng khả năng tạo việc làm mới cho lao động ở khu vực thành thị là

- A. đa dạng hóa các loại hình đào tạo cho lao động.
- B. đẩy mạnh các hoạt động hướng nghiệp, dạy nghề.
- C. phát triển hoạt động công nghiệp, dịch vụ.
- D. đẩy mạnh chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình.

Câu 32. Vùng trọng điểm lúa lớn nhất nước ta là

- A. Đồng bằng sông Cửu Long.
- B. Đồng bằng sông Hồng
- C. Trung du miền núi Bắc Bộ
- D. Đông Nam Bộ.

Câu 33. hát biểu nào sau đây **không** đúng với ngành hàng không của nước ta hiện nay?

- A. Cơ sở vật chất hiện đại hóa nhanh chóng.

- B. Ngành non trẻ nhưng phát triển rất nhanh.
- C. Mở nhiều đường bay thẳng đến các nước.
- D. Vận chuyển khối lượng hàng hóa lớn nhất.

Câu 34. Ý nghĩa lớn nhất của việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp gắn với công nghiệp chế biến ở nước ta là:

- A. khai thác tốt tiềm năng đất đai, khí hậu mỗi vùng.
- B. giải quyết việc làm, nâng cao đời sống người dân.
- C. tạo thêm nhiều sản phẩm hàng hóa có giá trị cao.
- D. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành.

Câu 35. Yếu tố nào sau đây tác động chủ yếu đến việc nâng cao chất lượng sản phẩm công nghiệp nước ta?

- A. Đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị và công nghệ.
- B. Tập trung vào phát triển nhiều ngành sản xuất khác nhau.
- C. Gắn với nhu cầu thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước.
- D. Đào tạo và nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động.

Câu 36. Giải pháp quan trọng nhất để phát triển đánh bắt xa bờ ở nước ta là

- A. Tăng cường tàu thuyền công suất lớn, trang bị hiện đại.
- B. Mở rộng thị trường xuất khẩu.
- C. Ngăn chặn đánh bắt bằng chất nổ, xung điện.
- D. Nâng cấp cảng biển, nhà máy chế biến

Câu 37. Nhận định nào dưới đây không đúng về vai trò ngành công nghiệp xanh.

- A. Giúp tái sử dụng các chất thải
- B. Đảm bảo phát triển nông nghiệp bền vững
- C. Nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và năng lượng.
- D. Bảo vệ môi trường và giảm nhẹ biến đổi khí hậu

Câu 38. Năm 2021, diện tích trồng lúa của nước ta là 7,2 triệu ha, sản lượng lúa là 43,9 triệu tấn, vậy năng suất (tạ/ha) cả năm là

- A. 66,5 tạ/ha
- B. 67,5 tạ/ha
- C. 68,5 tạ/ha
- D. 86,5 tạ/ha

Câu 39. Vùng lãnh thổ duy nhất tiếp giáp với hai quốc gia Trung Quốc và Lào là

- A. Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung.
- B. Tây Nguyên.
- C. Đồng bằng sông Hồng.
- D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 40. Công nghiệp khai khoáng, chế biến khoáng sản phát triển mạnh ở Trung du miền núi Bắc Bộ nhờ

- A. địa hình chủ yếu là đồi núi.
- B. tài nguyên khoáng sản đa dạng.
- C. sông ngòi có trữ năng thủy điện lớn.
- D. khí hậu thuận hòa, ít thiên tai.

Câu 41. Thế mạnh tự nhiên quan trọng nhất giúp cho vùng Đồng bằng sông Hồng phát triển cây vụ đông là

- A. đất đai màu mỡ.
- B. nguồn nước phong phú.
- C. có mùa đông lạnh.
- D. vùng ít có thiên tai.

Câu 42. Biện pháp quan trọng để thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Bắc Trung Bộ là

- A. củng cố hệ thống đê chắn sóng, đê biển.
- B. hạn chế sử dụng nhiên liệu hóa thạch.
- C. di dời, sơ tán dân cư.
- D. tăng cường công tác cứu trợ.

Câu 43. Nhận định nào sau đây **không đúng** với vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh?

- A. Là đô thị đặc biệt, trung tâm công nghiệp, dịch vụ hàng đầu cả nước.
- B. Là trung tâm đầu não chính trị - hành chính của cả nước.
- C. Quy mô kinh tế chiếm tỉ trọng lớn nhất so với các tỉnh, thành phố cả nước.
- D. Thúc đẩy phát triển kinh tế vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Câu 44. Điều kiện quan trọng để Tây Nguyên trở thành vùng chuyên canh cà phê lớn nhất cả nước là

- A. đất badan màu mỡ, khí hậu cận xích đạo.
- B. mạng lưới sông ngòi dày đặc, trữ năng thủy điện lớn.
- C. tập trung nhiều cao nguyên rộng lớn.
- D. khí hậu phân hóa theo độ cao địa hình.

Câu 45. Năm 2021, vùng Tây Nguyên có diện tích 54 nghìn km² và dân số 6 triệu người. Vậy mật độ dân số trung bình của vùng đạt khoảng

- A. 110 người/km².
- B. 111 người/km².
- C. 112 người/km².
- D. 113 người/km².

Câu 46. Cho bảng số liệu sau:

Số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị ở vùng Đông Nam Bộ giai đoạn 1999 – 2021

Năm	1999	2009	2019	2021
Số dân thành thị (triệu người)	5,6	8,1	11,6	12,1
Tỉ lệ dân thành thị (%)	55,4	57,4	64,8	66,4

Theo bảng số liệu trên, dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị ở vùng Đông Nam Bộ giai đoạn 1999 – 2021 là

- A. cột ghép.
- B. đường.
- C. kết hợp cột và đường.
- D. miền.

Câu 47. Cho bảng số liệu sau:

Giá trị xuất khẩu và nhập khẩu của nước ta qua các năm (Đơn vị: Triệu USD)

Năm	2010	2015	2018	2021
Xuất khẩu	72 236,7	162 016,7	243 696,8	336 166,8
Nhập khẩu	84 838,6	165 775,9	237 241,6	332 842,6

Theo bảng số liệu trên, dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu xuất, nhập khẩu của nước ta giai đoạn 2010-2021 là

- A. tròn.
- B. đường.
- C. cột.
- D. miền

Câu 48. Năm 2021, sản lượng lúa của cả nước đạt 43,8 triệu tấn, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 24,3 triệu tấn. Vậy sản lượng lúa của Đồng bằng sông Cửu Long so với cả nước chiếm tỉ trọng khoảng

- A. 55,5 %.
- B. 56,5 %.
- C. 57,0 %.
- D. 58,4 %.

Câu 49. Cho bảng số liệu sau:

Sản lượng thủy sản của Duyên hải Nam Trung Bộ giai đoạn 2010 – 2021

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2010	2015	2021
Khai thác	707,0	913,6	1167,9
Nuôi trồng	80,8	86,5	101,3

Theo bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây là đúng về sản lượng thủy sản của Duyên hải Nam Trung Bộ giai đoạn 2010 – 2021?

- A. Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng tăng đều nhau.
- B. Sản lượng thủy sản khai thác tăng nhiều hơn nuôi trồng.
- C. Sản lượng thủy sản khai thác tăng chậm, liên tục.
- D. Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng nhanh, liên tục.

Câu 50. Cho bảng số liệu sau:

Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp ở nước ta giai đoạn 2010 – 2021

Năm	2010	2015	2021
Sản phẩm			
Vải (tỉ m ²)	1,1	1,5	2,5
Quần áo mặc thường (tỉ cái)	2,6	4,3	5,5
Giày, dép da (triệu đôi)	192,2	253,0	317,0

Theo bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây là đúng nhất?

- A. Sản lượng các sản phẩm đều tăng nhanh, tốc độ tăng trưởng như nhau.
- B. Vải tăng nhanh nhất, sau đó đến giày, dép da ; quần áo tăng chậm nhất.
- C. Vải tăng nhanh nhất, sau đó đến quần áo; giày, dép da tăng chậm nhất.
- D. Giày, dép da tăng nhanh nhất, sau đó đến quần áo; vải tăng chậm nhất.

-----HẾT-----